

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 07/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quy

Ông Phạm Văn Hiệu

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Nam Hải, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/HSST- QĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn K**, sinh năm 1998 tại S L.

Nơi cư trú: Bản S, xã B M, huyện T C, tỉnh S L

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lò Văn H, sinh năm 1978; và con bà Quàng Thị D, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 6/2016 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn K theo chỉ định của cơ quan tố tụng: Luật sư Đào Văn H – Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Bị hại:

+ Anh Quàng Văn D, sinh năm 1994 (đã chết ngày 21/5/2018). Người đại diện hợp pháp của anh Quàng Văn D: ông Quàng Văn H1, sinh năm 1964 là bố đẻ của anh D; trú tại: B N, xã C L, huyện M L, tỉnh S L (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Quàng Văn H1: Ông Phạm Đức Lăng - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

+ Anh Quàng Văn C, sinh năm 1992; trú tại: bản H C, xã C L, huyện M L, tỉnh S L (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Quàng Văn C: Bà Phạm Thị Thủy - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt).

+ Anh Cà Văn T, sinh năm 1994; trú tại: B N, xã C L, huyện M L, tỉnh S L (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Cà Văn T: Bà Nguyễn Thị Trang - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lò Văn H, sinh năm 1978; trú tại: Bản S, xã B M, huyện T C, tỉnh S L (có mặt).

- *Người làm chứng:* anh Lò Văn S, chị Lò Thị L, anh Cà Văn C1, anh Lò Văn T1, anh Cà Văn X, anh Tòng Văn L1, anh Quàng Văn Đ (tức L2), chị Hầu Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21 tháng 5 năm 2018 Lò Văn S, sinh năm 1995 ở Bản N S, xã B M, huyện T C, tỉnh S L chở Lò Văn K, sinh năm 1998 ở Bản S, xã B M huyện T C, tỉnh S L từ phòng trọ của S ở thôn Đ K, xã V K, huyện V G, tỉnh Hưng Yên bằng xe đạp đến phòng trọ của anh họ của S là anh Lò Văn T1, sinh năm 1993 cùng quê với S đang thuê trọ tại nhà chị Lê Thị L, sinh năm 1980 ở thôn V N, thị trấn BYN, huyện MH, tỉnh Hưng Yên; mục đích để K đến ở và đi làm cùng với T1. Khi đi K có mang theo 01 chiếc túi sách đựng đồ cá nhân, bên trong túi có một con dao bằng K loại dài 19cm, lưỡi dao bằng K loại sáng màu dài 11cm, lưỡi dao có hai cạnh sắc, đầu mũi dao nhọn, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 1,8cm, chuôi dao bằng K loại có hình hoa văn. Đến khoảng 19h 30 phút cùng ngày K và S đến phòng trọ của anh T1, tại đây T1, K và S ăn cơm, uống rượu cùng với Cà Văn T, sinh năm 1994 ở B N, xã C L, huyện M L, tỉnh S L và một người bạn của T. Sau khi ăn uống cùng mọi người xong đến khoảng 21 giờ cùng ngày T rủ T1, K và S xuống uống rượu cùng với nhóm bạn của T ở khu dãy nhà trọ phía sau của nhà chị Liên. Khi đi T đã lấy con dao trong túi sách mang theo trước đó đút vào túi quần bên phải với mục đích để phòng thân rồi cùng S, T1 và T tiếp tục đi ra lối đi của dãy trọ phía sau nhà chị Liên uống rượu cùng với mọi người, trong đó có Quàng Văn C, sinh năm 1992 ở Bản H C; Quàng Văn D, sinh năm 1994 B N, xã C L, huyện M L, tỉnh S L. Đến

khoảng 22 giờ cùng ngày thì mọi người uống rượu xong. Sau khi uống rượu xong K và S có ý định tán gái nên đã đứng chơi tại lối đi của dãy trọ. Lúc này chị Lò Thị L sinh năm 2002 ở xã C L đi sang phòng trọ của anh Cà Văn C1, sinh năm 1998 ở B N, xã C L, huyện M L, tỉnh S L để trả điện thoại cho anh C1 thì nhìn thấy K và S nên nói “*Hai anh ơi, giờ này cũng muộn rồi, hai anh về phòng ngủ đi tý chủ trọ và xóm trọ nói cho đấy*”. Lúc này chị L định bước vào phòng anh C1 thì K nảy sinh ý định trêu đùa, tán tỉnh nên K nói “em gì ơi ra đây anh bảo”, chị L tiến lại gần chỗ K và nói “có chuyện gì thế anh” thì K không nói gì. Khi chị L quay người lại để đi vào phòng trọ của anh C1 thì K liền lấy con dao nhọn trong túi quần bên phải ra, cầm dao bằng tay phải vòng ra phía trước dí vào phần cổ của chị L. Chị L kêu lên rồi dùng tay hất tay cầm dao của K ra và chạy vào phòng trọ của anh C1. K tiếp tục cầm dao đuổi theo chị L vào phòng trọ của anh C1 thì C1 nói “*Anh là ai, ở đâu, sao anh lại cầm dao vào phòng em thế này*”, K liền dứt con dao vào túi quần bên phải rồi xòe hai tay ra và nói “*Dao đâu, dao đâu*”. C1 tiếp tục đuổi K ra khỏi phòng thì K đi ra, sau đó cùng S về phòng trọ của anh T1. Lúc này C1 đi sang phòng trọ của C để gọi Cà Văn X, sinh năm 1995 (là anh ruột của C1), phòng đang đóng cửa, C1 đứng ngoài gọi “*X ơi X, không biết có thằng nào ở đâu ra dùng dao kê vào cổ L*”. Trong phòng lúc này gồm có C, T1, T, D, X, Quảng Văn Đ (Luyên), sinh năm 1991 và Tòng Văn L1, sinh năm 1998 đều ở Bản H C, xã C L, huyện M L, tỉnh S L đang ngồi uống nước, tất cả mọi người đứng dậy đi ra đứng tại trước cửa phòng trọ của C. Một lúc sau khi nghe thấy tiếng mọi người nói chuyện to ở phía sau dãy trọ thì K và S quay lại, lúc này K đang đội chiếc mũ lưỡi chai màu đen. Khi nhìn thấy K và S thì C, D và T tiến lại gần, C chỉ tay về phía K và nói “*Thằng nào dí dao vào em tao*”, C1 đứng cạnh đó chỉ tay về phía K nói “*Đúng thằng này*”, K nói “*Không*” rồi lùi lại phía sau thì bị C, D và T lao vào dùng tay không đâm vào đầu, mặt. K dùng tay phải rút con dao nhọn trong túi quần bên phải ra đâm nhiều nhát về phía D, C và T rồi bỏ chạy ra phía cuối dãy trọ, C, T và D tiếp tục đuổi theo K ra đến gần cuối dãy trọ thì túm vào phần đầu K làm K bị rơi chiếc mũ lưỡi chai và tiếp tục dùng tay không lao túm tóc và đánh vào mặt K, K tiếp tục cầm dao bằng tay phải đâm về phía C, T và D. Sau đó K bỏ chạy ra phía cổng phụ của dãy trọ và chạy ra ngoài đường rồi ném con dao vừa dùng đâm C, T và D vào bụi cây ven đường. Khi ra đến ngoài đường K gặp S và nói với S “*chắc em đâm trúng người rồi đấy*” thì S nói “*Có một người bị thương ở phía sau có chảy máu*”. Sau đó S vào lấy xe đạp đi về, đi được khoảng 10m, K đuổi theo lên xe S đèo K ra đến đường 5 thì K đèo S rồi cả hai đi về phòng trọ của S tại thôn Đ K, xã V K, huyện V G, tỉnh Hưng Yên. Sau khi bị đâm D, T và C được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Phố Nối, nhưng do vết thương nặng, D được chuyển đến Bệnh viện Viện Đức sau đó tử vong (Bút lục số: 343-467, 474-504).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện thu giữ: 04 đám chất dịch màu nâu (*ký hiệu M1, M2, M3, M4*); 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen; truy tìm vật chứng theo lời khai của Lò Văn K đã phát hiện thu giữ tại bụi cây trên bãi đất trống giáp đường tuyến số 01

thôn V N, thị trấn B 01 con dao nhọn dài 19cm, chuôi hình hoa văn dài 8cm, phần lưỡi dao bằng K loại màu trắng dài 11cm chỗ rộng nhất 1,8cm, có hai cạnh sắc, mũi nhọn (Ký hiệu D), (Bút lục số: 79-92, 107-108, 124).

Biên bản khám nghiệm tử thi Quảng Văn D thể hiện: Tại vùng cổ trái 01 vết rách da kích thước (01x01) cm m; 01 vết rách da vùng ngực trái dưới núm vú đường giữa đòn trái kích thước (2,5x01) cm mô vùng ngực thấy tụ máu thành ngực trái vùng khoang liên sườn V, VI có vết thương kích thước (1,9x0,5). Tụ máu tổ chức liên kết và cơ quanh vết thương thành ngực, vết thủng màng ngoài T, trong bao T có khoảng 150g máu cục kèm theo máu loãng không đông. Vết thủng thành trước thất phải kích thước (1,4x0,1)cm, tổn thương tụ máu nhẹ lớp nội tâm mạc đối bên. Hở ngực trái có 600ml máu loãng.

Bản giám định pháp y số 52/18/GDPY ngày 02/7/2018 của Bệnh viện hữu nghị Việt Đức đối với tử thi Quảng Văn D kết luận: Tìm thấy Ethanol với hàm lượng bằng 76,8/100ml máu, không tìm thấy các chất độc thường gặp trong mẫu phủ tạng và dịch dạ dày của nạn nhân. Vết thương T hở và vết thương vùng cổ trái, vết thương thủng thành ngực trái, thủng màng T, thủng thành thất phải, tràn máu màng T và khoang màng phổi trái. Vết thương vùng nền cổ trái đứt cơ ức đòn chũm, sát thành thực quản, tụ máu tổ chức liên kết quanh vết thương. Những dấu vết thương tích trên do bị tác động bởi vật sắc nhọn vào vùng cổ trái và thành ngực trái. Nguyên nhân chết Shock mất máu cấp do vết thương T hở.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 58/2018/TgT ngày 28/5/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hưng Yên đối với Quảng Văn C kết luận: 01 vết thương nhỏ Ngng vùng thất lưng trái phải sau sát khung chậu, còn chỉ khâu, bờ mép gọn tỷ lệ 02%; 01 vết thương nhỏ chéo phần trên khe mông bên trái, còn chỉ khâu, bờ mép gọn tỷ lệ 01 %. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03 % (ba phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây nên (Bút lục: 114-115).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 72/2018/TgT ngày 14/6/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hưng Yên đối với Cà Văn T kết luận: 01 vết sẹo nhỏ kẽ mông phải gần móm cụt. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02 % (Hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây nên (Bút lục: 119-121).

Bản kết luận giám định pháp y về tang vật số 109/18 GDPY ngày 22/10/2018 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức đã kết luận: Căn cứ đặc điểm của vết thương vùng cổ và vùng ngực của Quảng Văn D như trên nhận định con dao bằng K loại (ký hiệu D) có thể gây ra các tổn thương vùng cổ và vùng ngực của nạn nhân D .(Bút lục số: 126-127).

Sau khi xảy ra sự việc Quảng Văn C và Cà Văn T đã có đơn yêu cầu xử lý Lò Văn K theo quy định của pháp luật (Bút lục số 376, 507).

Tại Cơ quan điều tra Lò Văn K đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ông Quảng Văn H1 (bố đẻ của anh D) đại diện gia đình bị hại kê khai các chi phí liên quan đến việc cấp cứu, mai táng theo phong tục địa phương cho anh D tổng số tiền là 314.532.000 đồng, đồng thời yêu cầu cấp dưỡng cho hai cháu là con của D đến khi trưởng thành. Lò Văn K đã nhờ gia đình khắc phục hậu quả, ông Lò Văn H (là bố đẻ của K) đã đến phúng viếng và bồi thường cho gia đình D số tiền 40.000.000 đồng. Các anh Cà Văn T và Quảng Văn C yêu cầu Lò Văn K bồi thường mỗi người số tiền 5.000.000đ gồm tiền chi phí điều trị và tổn hại sức khỏe (bút lục 332-333, 501-504, 385-386, 395-396).

Bản cáo trạng số 09/CT -VKS-P2 ngày 10/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Lò Văn K về tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 123 và điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lò Văn K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của đại diện gia đình bị hại Quảng Văn D bị cáo đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của bị hại Quảng Văn C và Cà Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường thương tích là 5.000.000đ, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Đại diện gia đình bị hại ông Quảng Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại các khoản tiền cấp cứu, tiền xe, tiền mai táng theo phong tục tập quán và tiền đền mạng tổng số là 314.532.000 đồng; đồng thời yêu cầu bị cáo cấp dưỡng cho 2 con của anh D là cháu Quảng Bảo V, sinh ngày 9/10/2016 và cháu Tòng Thị MC, sinh ngày 16/10/2018 đến khi trưởng thành. Về trách nhiệm hình sự ông Hùng đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Quảng Văn C và anh Cà Văn T đề nghị bị cáo bồi thường thương tích là 5.000.000đ. Về trách nhiệm hình sự cả hai anh đều đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông Lò Văn H là bố bị cáo trình bày gia đình đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại Quảng Văn D 40 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội, đề nghị HĐXX tuyên bố Lò Văn K phạm tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 55; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 9 - 10 năm tù về tội giết người, 12- 15 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả 2 tội là từ 10 năm đến 11 năm 03 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, VKS xác định các bị hại có lỗi nên phải chịu 1 phần thiệt hại xảy ra. Sau khi phân tích các khoản thiệt hại và đối trừ một phần lỗi, đại diện VKS đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại anh Quảng Văn D 250 triệu đồng; bồi thường cho anh Quảng Văn C và Cà Văn T mỗi người 04 triệu đồng. Đồng thời, bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 2 con anh D là cháu Quảng Bảo V, sinh ngày 9/10/2016 và cháu Tòng Thị MC, sinh ngày 16/10/2018 từ tháng

5/2018 đến khi các cháu trưởng thành, mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương là 695.000đ. Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị về xử lý vật chứng theo quy định.

Luật sư Đào Văn H bào chữa cho bị cáo Lò Văn K trình bày ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, luật sư cho rằng bị cáo không có động cơ, mục đích phạm tội từ trước; hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại; trình độ văn hóa thấp, sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo có ông nội tham gia kháng C1 được tặng thưởng Huân, Huy chương. Do vậy, luật sư đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, luật sư đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Ông Phạm Đức Lãng, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện gia đình bị hại ông Quảng Văn H1 trình bày ý kiến nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với bị cáo. Về bồi thường, trợ giúp viên pháp lý đồng tình với quan điểm của đại diện VKS về mức tiền bồi thường thiệt hại là 250.000.000đ; không đồng ý mức cấp dưỡng như VKS đề nghị. Ông Lãng đề nghị bị cáo phải cấp dưỡng 1 lần cho 2 con của bị hại mỗi tháng 2.000.000đ, đến khi các cháu 18 tuổi là 413 tháng bằng 826.000.000đ. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 1.076.000.000đ.

Bà Phạm Thị Thủy, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Quảng Văn C trình bày ý kiến, xác định về tội danh của bị cáo như luận tội của VKS là đúng người, đúng tội. Về bồi thường, trợ giúp viên pháp lý cho rằng bị cáo gây ra cho anh C 2 vết thương; anh C yêu cầu bị cáo bồi thường 5 triệu đồng là không lớn; tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí số tiền bồi thường anh C đưa ra. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo và bị hại.

Bà Nguyễn Thị Trang, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Cà Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền L1 cho anh T có nội dung như sau: Về tội danh nhất trí với việc truy tố của Viện kiểm sát. Về bồi thường, bị cáo gây ra cho anh T 01 vết thương nên thiệt hại do chi phí chữa trị thương tích, phục hồi sức khỏe và mất thu nhập trong thời gian điều trị là thực tế. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Cà Văn T theo quy định của pháp luật.

Sau khi tranh luận, Viện kiểm sát không chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo K đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự và yêu cầu xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đại diện VKS giữ nguyên quan điểm luận tội về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo. Về ý kiến của ông Lãng đề nghị mức cấp

dưỡng cho con của bị hại 2.000.000đ/tháng là không phù hợp với mức thu nhập thực tế ở địa phương bị cáo nên giữ nguyên đề nghị về mức tiền cấp dưỡng là 695.000đ/tháng/cháu. Chấp nhận ý kiến của bà Thủy và sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho anh C và anh T mỗi người 05 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã bảo đảm đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị hại là anh Quảng Văn C, anh Cà Văn T; lời khai của những người làm chứng chị Lò Thị L, anh Lò Văn S, anh Cà Văn C1, anh Lò Văn T1 và anh Cà Văn X chứng kiến việc bị cáo dùng dao nhọn treu ghẹo chị L, sau đó tấn công lại bị hại; kết luận giám định nguyên nhân chết của anh Quảng Văn D và cơ chế hình thành thương tích và vật chứng thu giữ là con dao bị cáo đã đâm các bị hại. Đủ căn cứ kết luận, khoảng 22 giờ ngày 21/5/2018 tại khu nhà trọ của chị Lê Thị Liên ở thôn Văn Nhuế, thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên bị cáo Lò Văn K sau khi uống rượu có mục đích tấn công phụ nữ ở khu nhà trọ, đã dùng dao dí vào cổ chị Lò Thị L ở ngoài hành lang. Các anh Quảng Văn D, Quảng Văn C và Cà Văn T nghe tin chị L bị treu ghẹo ở hành lang đã đuổi đánh Lò Văn K. Trong lúc bị đánh, K đã rút dao nhọn đem theo người đâm nhiều nhất về hướng các anh D, anh C và anh T. Hậu quả anh D bị đâm 01 nhát vào cổ và 01 vết thương ngực trái gây vết thương T hở, dẫn đến tử vong do sốc mất máu cấp. Anh Quảng Văn C bị 01 vết thương nhỏ Ngng vùng thắt lưng trái phía sau sát khung chậu, 01 vết thương nhỏ chéo phần trên khe mông bên trái tổn hại 3% sức khỏe; anh Cà Văn T bị 01 vết thương nhỏ ở kẽ mông phải gần móm cụt, tổn hại 2% sức khỏe.

Nguyên nhân dẫn đến vụ việc bắt nguồn từ việc bị cáo dùng dao treu ghẹo chị Lò Thị L nên bị cáo là người có lỗi trước. Anh Quảng Văn D, anh Quảng Văn C và anh Cà Văn T đuổi đánh bị cáo chỉ bằng chân tay không, bị cáo dùng dao nhọn tấn công lại nên không thuộc các trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trường hợp tinh thần bị kích động mạnh. Trong vụ việc này các bị hại có một phần lỗi, do chưa làm rõ hành vi bị cáo treu ghẹo chị L nhưng đã tập trung số đông đuổi đánh bị cáo, hậu quả bị cáo tấn công lại dẫn đến anh D bị tử vong, còn anh C và anh T bị thương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lò Văn K về tội Giết người theo khoản 2 Điều 123 Bộ

luật hình sự và tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm đến tính mạng và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người ở nơi khác mới đến khu nhà trọ, được mời uống rượu cùng với mọi người. Sau khi uống rượu bị cáo đã có những hành vi khiếm nhã, dùng dao nhọn đe dọa chị L, sau đó tiếp tục dùng dao tấn công lại những người đứng ra bảo vệ chị L và tước đoạt mạng sống của anh D, thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo còn gây mất an ninh, trật tự tại khu vực nhà trọ, gây sự hoảng sợ cho mọi người. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, các bị hại chưa hỏi rõ sự việc bị cáo Lò Văn K dùng dao đe dọa chị L như thế nào để giải quyết sự việc cho cụ thể, rõ ràng mà nhiều người tập trung đánh bị cáo, dẫn đến việc bị cáo rút dao ra đánh lại gây hậu quả nghiêm trọng và gây mất an ninh trật tự. Do vậy, Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người đã tham gia đánh nhau tối ngày 21/5/2018 là anh Quảng Văn C, anh Cà Văn T và anh Lò Văn S là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; tác động đến gia đình để bồi thường, khắc phục cho gia đình bị hại Quảng Văn D 40 triệu đồng. Bị cáo có ông nội là Lò Văn Lù được thưởng Huy chương C1 S vẻ. Các bị hại có lỗi 1 phần. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có lỗi trước, dùng dao nhọn dí vào cổ chị L, gây bức xúc, kích động về tinh thần cho bị hại nên không có căn cứ để áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự như nội dung bào chữa của luật sư.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Về nhân thân: Tháng 6/2016 bị cáo bị UBND xã B M xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, với mức án khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo theo mỗi tội danh là phù hợp, nhằm để trừng trị và giáo dục, cải tạo bị cáo. Không chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Quảng Văn H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại anh Quảng Văn D yêu cầu bị cáo Lò Văn K bồi thường tổng số tiền là 314.523.000 đồng và buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi 2 con của anh Quảng Văn D đến khi trưởng thành.

Ngày 21/7/2018 đại diện gia đình bị hại và gia đình bị cáo đã ký biên bản thỏa thuận nhất trí bồi thường số tiền nêu trên nhưng mới bồi thường được tổng số tiền là 40.000.000đ. Đến nay, bị cáo đề nghị giải quyết yêu cầu bồi thường của gia đình ông Quảng Văn H1 theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015, chỉ có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại các khoản sau:

+ Tiền thuê xe cấp cứu, đón thi thể nạn nhân 16.500.000đ; tiền viện phí, dịch vụ cấp cứu 5.013.300đ; chi phí hợp lý cho việc mai táng của 01 đám ma theo mức trung bình ở địa phương cung cấp là 59.060.000đ (BL 519, 520) và 1 phần chi phí đi lại cho thân nhân anh D từ Sơn La về Hà Nội để cấp cứu và đưa thi thể nạn nhân về Sơn La mai táng là 10 triệu đồng. Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bố, mẹ, vợ và các con anh D (05 người), mỗi người tương ứng với 20 tháng lương tối thiểu (1.390.000đ/1 tháng), tổng là 100 tháng lương bằng 139.000.000đ. Tổng cộng các khoản tiền bị cáo phải bồi thường do tính mạng anh Quảng Văn D bị xâm phạm là 229.573.300đ. Do anh D cũng có một phần lỗi nên đối trừ 10% lỗi của bị hại bằng 22.957.330đ. Bị cáo còn phải bồi thường 206.616.000đ, đã bồi thường 40 triệu, còn phải bồi thường tiếp 166.616.000đ.

+ Ngoài ra, buộc bị cáo phải cấp dưỡng cho hai con của anh Quảng Văn D là cháu Quảng Bảo V, sinh ngày 09/10/2016 và cháu Tòng Thị MC, sinh ngày 16/10/2018 mỗi cháu 700.000đ/1tháng, kể từ ngày 22/5/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền L1 cho đại diện gia đình bị hại Quảng Văn D yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng cho hai con của anh D 2.000.000đ/1 cháu/tháng là không phù hợp thu nhập thực tế ở địa phương bị cáo nên không được chấp nhận. Theo quy định của pháp luật trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng thì việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

[6] Về yêu cầu của anh Quảng Văn C và anh Cà Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường cho mỗi người 5.000.000đ tiền điều trị thương tích. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên. Việc bị cáo nhất trí bồi thường cho anh C và anh T là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền L1 cho anh C và anh T được chấp nhận.

[7] Vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao bằng K loại dài 08cm có hình hoa văn, lưỡi dao bằng K loại màu trắng dài 11cm, lưỡi dao có 2 cạnh lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn, chỗ rộng nhất của mũi dao là 1,8cm; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng, trên áo có các họa tiết cây, hoa, lá và chim nhiều màu; 01 chiếc quần vải màu đen, loại quần dài có khóa quần bị hỏng được khâu lại bằng chỉ màu đen; 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, bên trong mũ có mác in chữ LANSON; 07 phong bì bên trong có mẫu hoàn lại sau giám định. Các vật chứng nêu trên đều không còn giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu, cho hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn K vì thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn K phạm tội Giết người và tội Cố ý gây thương tích.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 123; điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn K **09** năm tù về tội Giết người và **01** năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **10** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/5/2018.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự. Điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 468, 590, 591 Bộ luật dân sự.

3.1. Buộc bị cáo Lò Văn K bồi thường cho gia đình anh Quảng Văn D do ông Quảng Văn H1 đại diện, tổng số các khoản thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là 206.616.000đ, đã bồi thường 40 triệu, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 166.616.000đ.

3.2. Buộc bị cáo Lò Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con của anh Quảng Văn D là cháu Quảng Bảo V, sinh ngày 09/10/2016 và cháu Tòng Thị MC, sinh ngày 16/10/2018, mỗi cháu 700.000đ/1 tháng, kể từ ngày 22/5/2018 đối với cháu Việt và kể từ ngày 16/10/2018 đối với cháu Châu đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

3.3. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Lò Văn K, bồi thường cho anh Quảng Văn C và anh Cà Văn T thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, mỗi người là 5.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án và người đại diện hợp pháp của người được cấp dưỡng có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ; cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành xong các khoản tiền bồi thường thiệt hại và tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.4. Vật chứng: Tịch thu cho hủy 01 con dao bằng K loại dài 08cm có hình hoa văn, lưỡi dao bằng K loại màu trắng dài 11cm, lưỡi dao có 2 cạnh lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn, chỗ rộng nhất của mũi dao là 1,8cm; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng, trên áo có các họa tiết cây, hoa, lá và chim nhiều màu; 01 chiếc quần vải màu đen loại quần dài có khóa quần bị hỏng được khâu lại bằng chỉ màu đen; 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, bên trong mũ có mác in chữ LAN SƠN; 07 phong bì bên trong có mẫu hoàn lại sau giám định.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn K vì thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC46- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; người có QL&NV liên quan;
- L HSVA, VP, THS.

Lê Quốc Huy